

Số: 95/2026/QĐST-HNGĐ

B, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ T THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 221/2026/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Chị **Mã Thị T.** Địa chỉ: Số nhà 46B, tổ 20, phường H (nay là phường Đ), tỉnh B.

Căn cước công dân số: 004189000817; cấp ngày 25/4/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Anh **Nguyễn Viết T.** Địa chỉ: Địa chỉ: Số nhà 46B, tổ 20, phường H (nay là phường Đ), tỉnh B. Nơi làm việc: Công ty TNHH xây dựng thương mại B; Địa chỉ: 8A T, phường T, thành phố H.

Căn cước công dân số: 011088005072; cấp ngày 19/8/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mã Thị T và anh Nguyễn Viết T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Mã Thị T và anh Nguyễn Viết T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Mã Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Viết P, sinh ngày 10/10/2014, đến khi cháu P thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh Nguyễn Viết T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu P là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng: Theo tháng, thời điểm cấp dưỡng: Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Trong trường hợp anh T chậm nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh T không phải trả tiền lãi chậm T toán.

Sau khi ly hôn, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Mã Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000314 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền T thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND khu vực 1 - B;
- UBND phường Đ (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh B;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thúy Thành**